

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2024/DS-PT

Ngày: 21- 11 - 2024

V/v: Tranh chấp về họ, họ, họ, họ,
phường

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thành Công

Các Thẩm phán:

Ông Lại Văn Tùng

Ông Bùi Văn Biên

- *Thư ký phiên toà:* Bà Nguyễn Lan Anh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Nam Định.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên toà:* Bà Bùi Bích Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2024/TLPT- DS ngày 18/10/2024 về việc “Tranh chấp về họ, họ, họ, họ, phường” do bản án sơ thẩm số: 31/2024/DS-ST ngày 11/9/2024 của Toà án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 387/2024/QĐPT-DS ngày 01/11/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1954; Nơi cư trú: Xóm P, thôn S, xã P, huyện T, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị N, sinh năm 1964; Nơi cư trú: Xóm P, thôn S, xã P, huyện T, tỉnh Nam Định.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Lê Thị N.

(Tại phiên toà: Có mặt ba Toan, bà N).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên toà, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T trình bày:

Do mối quan hệ quen biết nên bà N có tham gia chơi phường tiền do bà là chủ phường, gồm 03 hội phường tiền (còn gọi là bát phường), cụ thể:

Phường thứ 1: (còn gọi là bát phường). Phường tiền 54 triệu, chơi có lãi (mua có lãi). Chơi từ ngày 20/06/2020 đến ngày 20/04/2023. Gồm 36 người chơi, mỗi xuất 1,5 triệu, bà N chơi 03 xuất, bà N đóng được 27 xuất, còn 09 xuất chưa đóng. Từ ngày 20/9/2022 bà N chưa đóng, còn phải trả cho bà, cụ thể:

Ngày 25/09/2022 mỗi xuất: 1.398.000 đ x 3 xuất = 4.194.000 đồng
Ngày 25/10/2022 mỗi xuất: 1.388.000 đ x 3 xuất = 4.164.000 đồng
Ngày 25/11/2022 mỗi xuất: 1.450.000 đ x 3 xuất = 4.350.000 đồng
Ngày 25/12/2022 mỗi xuất: 1.450.000 đ x 3 xuất = 4.350.000 đồng
Ngày 25/01/2023 mỗi xuất: 1.413.000 đ x 3 xuất = 4.239.000 đồng
Ngày 25/02/2023 mỗi xuất: 1.445.000 đ x 3 xuất = 4.335.000 đồng
Ngày 25/02/2023 (nhuận) mỗi xuất: 1.478.000 đ x 3 xuất = 4.434.000 đồng
Ngày 25/03/2023 mỗi xuất: 1.478.000 đ x 3 xuất = 4.434.000 đồng
Ngày 25/04/2023 mỗi xuất: 1.500.000 đ x 3 = 4.500.000 đồng
Tổng số nợ của phường thứ 1 là : 39.000.000 đồng.

Phường thứ 2: (còn gọi là bát phường). Phường tiền 70 triệu, chơi có lãi (mua có lãi). Chơi từ ngày 25/01/2021 đến 25/10/2023. Gồm 35 xuất, mỗi xuất 2 triệu, bà N chơi 03 xuất, bà N đóng được 20 xuất, còn 15 xuất chưa đóng. Từ ngày 25/9/2022 bà N chưa đóng, bà N còn phải trả cho bà, cụ thể:

Ngày 25/09/2022 mỗi xuất: 1.752.000 đ x 3 = 5.256.000 đồng
Ngày 25/10/2022 mỗi xuất: 1.800.000 đ x 3 = 5.400.000 đồng
Ngày 25/11/2022 mỗi xuất: 1.747.000 đ x 3 = 5.241.000 đồng
Ngày 25/12/2022 mỗi xuất: 1.755.000 đ x 3 = 5.265.000 đồng
Ngày 25/01/2023 mỗi xuất: 1.783.000 đ x 3 = 5.349.000 đồng
Ngày 25/02/2023 mỗi xuất: 1.800.000 đ x 3 = 5.400.000 đồng
Ngày 25/02/2023 (nhuận) mỗi xuất: 1.812.000 đ x 3 = 5.436.000 đồng
Ngày 25/03/2023 mỗi xuất: 1.800.000 đ x 3 = 5.400.000 đồng
Ngày 25/04/2023 mỗi xuất: 1.828.000 đ x 3 = 5.448.000 đồng
Ngày 25/05/2023 mỗi xuất: 1.839.000 đ x 3 = 5.517.000 đồng
Ngày 25/06/2023 mỗi xuất: 1.925.000 đ x 3 = 5.775.000 đồng
Ngày 25/07/2023 mỗi xuất: 1.925.000 đ x 3 = 5.775.000 đồng
Ngày 25/08/2023 mỗi xuất: 1.947.000 đ x 3 = 5.841.000 đồng
Ngày 25/09/2023 mỗi xuất: 1.957.000 đ x 3 = 5.841.000 đồng
Ngày 25/10/2023 mỗi xuất: 2.000.000 x 3 = 6.000.000 đồng
Tổng số nợ của phường thứ 2 là : 82.944.000 đồng.

Phường thứ 3: Phường tiền 40 triệu, chơi có lãi (mua có lãi). Chơi từ ngày 20/10/2021 đến 20/05/2023. Gồm 20 xuất, mỗi xuất 2 triệu. Bà N chơi 02 xuất, bà N đóng được 22 xuất, còn 18 xuất chưa đóng. Từ ngày 20/10/2022 bà N chưa đóng, bà N còn phải trả cho bà, cụ thể:

Ngày 20/10/2022 mỗi xuất: 1.733.000 đ x 2 = 3.466.000 đồng

Ngày 20/11/2022 mỗi xuất: $1.727.000 \text{ đ} \times 2 = 3.454.000 \text{ đồng}$
Ngày 20/12/2022 mỗi xuất: $1.856.000 \text{ đ} \times 2 = 3.712.000 \text{ đồng}$
Ngày 20/01/2023 mỗi xuất: $1.875.000 \text{ đ} \times 2 = 3.750.000 \text{ đồng}$
Ngày 20/02/2023 mỗi xuất: $1.900.000 \text{ đ} \times 2 = 3.800.000 \text{ đồng}$
Ngày 20/03/2023 mỗi xuất: $1.925.000 \text{ đ} \times 2 = 3.850.000 \text{ đồng}$
Ngày 20/04/2023 mỗi xuất: $1.950.000 \text{ đ} \times 2 = 3.900.000 \text{ đồng}$
Ngày 20/05/2023 mỗi xuất: $2.000.000 \text{ đ} \times 2 = 4.000.000 \text{ đồng}$
Tổng số nợ của phường thứ 3 là : 29.932.000 đồng.

Ngoài ra bà N còn nợ bà tiền phường của tháng 8/2022 số tiền là 8.791.000 đồng của 03 phường bà N đã đóng và còn nợ lại.

Như vậy, bà N còn nợ bà tổng số tiền của 03 phường là 160.667.000 đồng, bà yêu cầu bà N phải trả cho bà 01 lần số tiền 160.667.000 đồng, bà không yêu cầu lãi suất.

Tại bản tự khai bị đơn, quá trình tố tụng và tại phiên tòa bà Lê Thị N trình bày:

Bà thừa nhận có tham gia chơi 03 hội phường (bát phường) tiền do bà T là chủ phường. Gồm 03 hội phường như bà T khai trên là đúng, bà đã rút tiền phường và đã đóng tiền phường cho bà T đều đưa tay cho bà T không có ký nhận gì, không có ai chứng kiến.

Đối với bát phường 54 triệu bà có tham gia chơi, chơi từ ngày 20/06/2020 đến tháng 20/04/2023. Gồm 36 người chơi, mỗi xuất 1,5 triệu, bà chơi 03 xuất, bà đã được rút và có đóng cho bà T nhưng vẫn còn nợ trong phường này, việc rút tiền phường và còn nợ bao nhiêu tiền bà không nhớ, vì rút tiền và đóng tiền cho bà T đều đưa tay cho bà T chứ không có ký sổ sách gì, không ai chứng kiến cả. Bà thừa nhận còn nợ trong hội phường này nhưng bà không nhớ cụ thể, bà cung cấp sau, về thời gian bà không hứa có thể 01 tháng, có thể 01 năm.

Đối với bát phường số tiền 70 triệu, bà có tham gia, chơi từ ngày 25/01/2021 đến 25/10/2023, Gồm 35 xuất, mỗi xuất 2 triệu, bà có chơi 03 xuất, đã rút nhưng bà T cầm bắt nợ của bà, bà được nhận có 1 nửa, nhưng hiện nay bà T vẫn đòi bà về bát phường 70 triệu này là 82.944.000 đồng bà không đồng ý, bà chỉ còn nợ một ít. Khi bà được rút bà không nhớ cụ thể nợ trong bát này là bao nhiêu, bà đóng tiền cho bà T đều đưa tay chứ không có ký sổ sách gì, không ai chứng kiến cả, bà thừa nhận còn nợ trong hội này nhưng bà không nhớ nợ bao nhiêu tiền, bà cung cấp cho Tòa án sau, về thời gian có thể 01 tháng, có thể 01 năm.

Đối với bát phường số tiền 40 triệu, chơi từ ngày 20/10/2021 đến 20/05/2023. Gồm 20 xuất, mỗi xuất 2 triệu, bà có tham gia chơi 02 xuất, bà đã rút nhưng bà T cầm bắt nợ của bà, bà được nhận có 1 nửa, nhưng hiện nay bà T vẫn đòi bà về bát phường 40 triệu này là 29.932.000 đồng, bà không đồng ý, bà chỉ còn nợ bà T một ít. Do bà T còn giữ tiền bắt nợ do bà được rút nên bà không nhớ cụ thể nợ trong hội phường (bát phường) này là bao nhiêu, việc rút tiền phường và còn

nợ bao nhiêu tiền bà T bà không nhớ, vì rút tiền và đóng tiền cho bà T đều đưa tay chứ không có ký sổ sách gì, không ai chứng kiến cả. Nay bà thừa nhận còn nợ trong hội phường này nhưng bà không nhớ cụ thể còn nợ bao nhiêu tiền, bà cung cấp cho Tòa án sau, về thời gian bà không hứa được, có thể 01 tháng, có thể 01 năm.

Đối với số tiền bà T khai bà N còn nợ bà tiền phường của tháng 8/2022 số tiền là 8.791.000 đồng bà không thừa nhận có nợ khoản tiền này vì đều do bà T ghi nợ không có chữ viết, chữ ký của bà.

Từ nội dung vụ án như trên, bản án số: 31/2024/DS-ST ngày 11/9/2024 của Toà án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định đã quyết định:

Căn cứ Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 24; Điều 25 của Nghị định 19/2019/NĐ – CP của Chính Phủ quy định về Hối, Họ, B, Phường; Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T. Buộc bà Lê Thị N phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền là 160.667.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Nguyễn Thị T đối với khoản tiền bà Lê Thị N phải trả cho bà Nguyễn Thị T cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên. Hàng tháng bà Lê Thị N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị N phải nộp 300.000 đồng.

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí, theo biên lai thu tiền số 0003969 ngày 15/03/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định .

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo, quyền, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự

Ngày 25/9/2024, bà Lê Thị N kháng cáo với nội dung:

Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà phúc thẩm: Các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Tại giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án đại diện Viện kiểm sát có quan điểm:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà N. Sửa bản án sơ thẩm buộc bà N phải trả cho bà T số tiền 121.944.000 đồng. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà T buộc bà N phải trả nợ đối với số tiền phường thứ ba là 29.932.000 đồng và số nợ tiền đóng phường là 8.791.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Lê Thị N được làm trong thời hạn luật định phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 272; khoản 1 Điều 273; Điều 276 BLTTDS nên được chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự tố tụng phúc thẩm.

[2] Xác định quan hệ pháp luật: Bà T khởi kiện yêu cầu bà N thanh toán tiền nợ do chơi phường tiền có lãi nên quan hệ pháp luật là “tranh chấp về hội, họ, biểu, phường” theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự 2017 và Nghị định số 19/2019/NĐ – CP của Chính Phủ quy định về họ, hội, biểu, phường.

[3] Về nội dung kháng cáo:

[4] Quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, bảo đảm được quyền và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự.

[5] Căn cứ vào lời khai của bà T: **Đối với phường tiền thứ nhất 54.000.000 đồng chơi** từ ngày 20/06/2020 đến ngày 20/04/2023. Gồm 36 người chơi, mỗi xuất 1,5 triệu, bà N chơi 03 xuất, bà N đóng được 27 xuất, còn 09 xuất chưa đóng là 39.000.000 đồng. Phường tiền thứ hai 70 triệu, chơi có lãi từ ngày 25/01/2021 đến 25/10/2023. Gồm 35 xuất, mỗi xuất 2 triệu, bà N chơi 03 xuất, bà N đóng được 20 xuất, còn 15 xuất chưa đóng là 82.944.000 đồng. Tại cấp sơ thẩm bà N khai: Khi bà được rút phường bà không nhớ cụ thể nợ trong bát này là bao nhiêu, bà đóng tiền cho bà T đều đưa tay chứ không có ký sổ sách gì, không ai chứng kiến cả, bà thừa nhận còn nợ trong hội này nhưng bà không nhớ nợ bao nhiêu tiền, bà cung cấp cho Tòa án sau, về thời gian có thể 01 tháng, có thể 01 năm. Tại phiên toà phúc thẩm bà N thừa nhận là có tham gia chơi hai phường tiền này, bà đã lĩnh tiền phường và đóng đầy đủ tiền phường cho bà T nhưng không có giấy tờ ký nhận với nhau, bà N không thừa nhận là còn nợ lại tiền phường nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh là đã nộp tiền phường cho bà T. Hai phường này bà T giao nộp chứng cứ là sổ theo dõi ghi phường có chữ ký của bà N và phù hợp với lời khai của bà T, bà N tại toà án nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn

buộc bà N phải thanh toán tổng số nợ hai phường là 121.944.000 đồng là có căn cứ.

[6] Đối với phường thứ ba 40 triệu, bà T khai chơi có lãi từ ngày 20/10/2021 đến 20/05/2023. Gồm 20 xuất, mỗi xuất 2 triệu. Bà N chơi 02 xuất, bà N đóng được 22 xuất, còn 18 xuất chưa đóng là 29.932.000 đồng và số tiền bà N còn thiếu tiền phường trước đó là 8.791.000 đồng. Tại phiên toà phúc thẩm bà T khai là phường tiền thứ ba này là bà T chơi hộ bà N do người khác làm chủ phường nhưng tên người chơi phường vẫn là bà T. Bà N không thừa nhận là còn thiếu số tiền này. Bà T không có chứng cứ nào chứng minh là bà tham gia đóng tiền phường thay bà N. Đối với số nợ 8.791.000 đồng bà T khai bà N còn nợ nhưng chữ viết trong sổ do bà T cung cấp, bà T khai đó là chữ viết của bà T không có chữ ký của bà N nhưng cấp sơ thẩm buộc bà N phải thanh toán cho bà T hai khoản tiền này là chưa phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[7] Từ phân tích nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bà N. Sửa bản án sơ thẩm.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T, bà N đều là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn án phí nên miễn án phí sơ thẩm cho bà N, bà T.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa, bà N không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

[10] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 147, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 12, Điều 13, Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 24, Điều 25 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ quy định về họ, họ, biêu, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về lệ phí, án phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Lê Thị N. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2024/DS-ST ngày 11/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

2. Buộc bà Lê Thị N phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 121.944.000 đồng. (một trăm hai mươi một triệu chín trăm bốn mươi bốn ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T buộc bà Lê Thị N phải thanh toán đối với số tiền phưởng là 29.932.000 đồng (phưởng chơi từ ngày 20/10/2021 đến 20/05/2023. Gồm 20 xuất, mỗi xuất 2 triệu) và số tiền 8.791.000 đồng bà N nợ tiền phưởng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Lê Thị N, bà Nguyễn Thị T. Trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0003969 ngày 15/03/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định .

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị N không phải nộp án phí phúc thẩm. Trả lại cho bà N số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0004084 ngày 25/9/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định .

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND huyện Trục Ninh
- VKSND tỉnh Nam Định;
- Chi cục THADS huyện Trục Ninh
- Các đương sự;
- Lưu án văn.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thành Công